TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI** Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11-8-2022 V/v ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1971, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1969, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Huy Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Văn Chấn ngày 24 tháng 2 năm 1993. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã T, huyện Văn Chấn, quá

trình chung sống đến năm 2008 nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008. Đến nay chị L xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huy Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh 13/8/1993, con chung đã trưởng thành khỏe mạnh, đã lập gia đình riêng nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Đăng ký kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân của chị L, bản sao sổ hộ khẩu của chủ hộ Nguyễn Huy Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng tại các buổi làm việc anh Đ đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Xác minh tại nơi cư trú của các đương sự về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ được chị Nguyễn Thị N là em gái anh Nguyễn Huy Đ cung cấp thông tin như sau: Giữa anh Đ và chị L đã không chung sống hơn 10 năm nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau cũng như không liên hệ với gia đình bên nội, ngoại, nguyên nhân do cả hai không còn tình cảm với nhau. Xác minh với trưởng thôn T, xã T được cung cấp: Anh Đ và chị L không thường xuyên có mặt tại địa phương, mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng, đại diện thôn, bản không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp theo quy định.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ) đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Huy Đ. Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Huy Đ, trú tại thôn T, xã T, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng L và anh Nguyễn Huy Đ là vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của LHNGĐ, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với lý do không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã xác minh nội dung trình bày của nguyên đơn về lý do xin ly hôn được chị Nguyễn Thị N là em gái anh Nguyễn Huy Đ xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh Nguyễn Huy Đ và chị Phạm Thị Hồng L có xảy ra mâu thuẫn cả hai không còn quan tâm đến nhau. Như vậy trình bày của chị L về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Đ là có cơ sở. Theo quy định của LHNGĐ thì nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, chị L và anh Đ có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay đã gần 14 năm, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, nghĩa vụ vợ chồng không được thực hiện là đã vi phạm Điều 19 LHNGĐ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hồng L và anh Nguyễn Huy Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều

56 LHNGĐ xử cho chị Phạm Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Huy Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Về con chung: Đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của LHNGĐ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Huy Đ.

2. Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0000903 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, chị L đã nộp đủ.

3. Chị Phạm Thị Hồng L và anh Nguyễn Huy Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn ;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã T;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Nguyễn Thắng